

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Văn Đoàn

2/ Ông Nguyễn Minh Chí

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1981, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1978, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Tất cả đương sự có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày như sau:*

Bà N và ông Nguyễn Thanh H cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu bà và ông H sống hạnh phúc nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà và ông H thường hay bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, ông H thường xuyên đi làm xa, ông H cũng có quan hệ tình cảm với người khác ở bên ngoài. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàn T, sinh ngày 07/5/2008 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/8/2020. Bà N yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình kết hôn, chùn sống và con chung. Do công việc ông làm nghề tài xế thường xuyên chạy xe bên ngoài nên ít có thời gian cho gia đình. Ông thừa nhận thỉnh thoảng say xỉn ông có hành vi tình cảm không đúng mực với người phụ nữ khác. Nay tại phiên tòa hôm nay ông xét thấy ông còn thương vợ thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

Trường hợp tòa án cho ly hôn. Ông yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H là tranh chấp về ly hôn, do ông H cư trú huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông H vì cho rằng cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông H thường hay bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, ông H thường xuyên đi làm xa, ông H cũng có quan hệ tình cảm với người khác ở bên ngoài. Với những nguyên nhân mâu thuẫn nêu trên cùng với việc bà N kiên quyết ly hôn, chứng tỏ việc chung sống giữa ông H và bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Nguyễn Hoàn T, sinh ngày 07/5/2008 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/8/2020.

Xét thấy cháu Đ là con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu T, quá trình giải quyết, bà N và ông H đều yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại bản tự khai, cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H xác định không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Nguyễn Thanh H.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàn T, sinh ngày 07/5/2008 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004562 ngày 02/6/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Thanh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- **UBND thị trấn T**
- Dương sự;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Liên**